TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 146/2020/QĐST -HNGĐ	*Đà Lạt, ngày 19 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 175/2020/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Số M, đường P, Phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện trú: Số K, đường N, Phường F, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh **Đặng Văn H**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Số M, đường P, Phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Đặng Văn H.

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Đặng Văn H thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Đặng Văn H thống nhất giao 02 con chung là Đặng Lê Minh A, sinh ngày 22/10/2009 và cháu Đặng Lê Huy H, sinh

ngày 20/7/2012 cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi con trưởng thành. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (mỗi con 2.500.000đ), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2020 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị T thỏa thuận nhận chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017350 ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi ành án dân sự thành phố Đà Lạt) chị T đã nộp đủ án phí.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Thi hành án dân sự TP. Đà Lạt;
- UBND Phường B, TP.Đà Lạt;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Lan